

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Ba Tơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Trên cơ sở quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện năm 2020 như sau:

I. Tổng thu ngân sách huyện: 975.092.749.414 đồng

1. Các khoản thu cấp huyện, cấp xã hưởng theo phân cấp từ nguồn thu trên địa bàn: 31.503.198.162 đồng

Thu NSNN trên địa bàn: 36.848.275.358 đồng; trong đó: Ngân sách trung ương hưởng 4.479.890.446 đồng, ngân sách tỉnh hưởng 865.186.750 đồng, ngân sách cấp huyện hưởng 29.101.055.311 đồng, ngân sách cấp xã hưởng 2.402.142.851 đồng.

*** Chi tiết khoản thu theo các sắc thuế như sau:**

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý: 356.078.376 đồng.
- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 58.083.227 đồng.
- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 44.448.300 đồng.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 22.181.389.874 đồng.
- Lệ phí trước bạ: 3.727.535.442 đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 8.905.370 đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.371.438.420 đồng.

- Thu phí, lệ phí: 1.280.032.778 đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 3.800.870.450 đồng.
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 71.012.737 đồng.
- Thu từ bán tài sản nhà nước: 142.715.000 đồng.
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 549.429.075 đồng.
- Thu khác ngân sách: 2.300.164.609 đồng.
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: 620.000 đồng.

2. Thu kết dư: 40.484.914.320 đồng; trong đó:

- Ngân sách cấp huyện 29.964.099.229 đồng.
- Ngân sách cấp xã: 10.520.815.091 đồng.

3. Thu chuyển nguồn: 147.137.201.976 đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp huyện 143.119.888.976 đồng.
- Ngân sách cấp xã: 4.017.313.000 đồng.

4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 751.877.103.601 đồng

4.1 Thu bổ sung cân đối: 494.703.150.761; trong đó:

- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện: 390.485.000.000 đồng.
- Ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách xã: 104.218.150.761 đồng.

4.2 Thu bổ sung mục tiêu: 257.173.952.840.000 đồng; trong đó:

- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện: 181.032.526.900 đồng.
- Ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách xã: 76.141.425.940 đồng.

5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 4.090.331.355 đồng.

II. Tổng chi ngân sách huyện: 954.379.438.308 đồng

1. Chi đầu tư phát triển: 135.600.443.247 đồng, trong đó:

- Ngân sách huyện: 135.524.023.247 đồng.
- Ngân sách xã: 76.420.000 đồng.

2. Chi thường xuyên: 517.135.802.419 đồng, bao gồm:

- Chi quốc phòng: 7.199.839.009 đồng.
- Chi an ninh: 7.973.063.403 đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 207.791.185.733 đồng.
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 42.137.011.000 đồng.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 5.087.088.798 đồng.
- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 2.125.263.708 đồng.
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 1.077.415.000 đồng.

- Chi sự nghiệp môi trường: 2.458.911.239 đồng.
- Chi sự nghiệp kinh tế: 74.907.743.916 đồng.
- Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: 150.138.767.725 đồng.
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 14.333.215.045 đồng.
- Chi khác: 1.096.297.843 đồng.

3. Bổ sung ngân sách cấp dưới: 180.359.576.701 đồng.

4. Chi nộp ngân sách cấp trên: 11.479.155.305 đồng; trong đó:

- Ngân sách xã nộp về ngân sách huyện: 4.090.331.355 đồng.
- Ngân sách huyện nộp về ngân sách tỉnh: 7.388.823.950 đồng.

5. Chi chuyển nguồn: 109.804.460.636 đồng, trong đó:

- Ngân sách huyện: 105.132.892.542 đồng.
- Ngân sách xã: 4.671.568.094 đồng.

III. Chênh lệch thu, chi ngân sách huyện: 20.713.311.106 đồng

- Kết dư ngân sách cấp huyện: 13.284.280.655 đồng.
- Chênh lệch thu, chi ngân sách xã, thị trấn: 7.429.030.451 đồng.

IV. Xử lý kết dư ngân sách cấp huyện: 13.284.280.655 đồng, như sau:

Thu ngân sách cấp huyện năm 2021: 13.284.280.655 đồng.

V. Chênh lệch thu, chi ngân sách xã, thị trấn

Giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Kính trình Hội đồng nhân dân huyện Ba Tơ xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Văn phòng huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Xuân Vinh

Số: /NQ-HĐND

Ba Tơ, ngày tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện năm 2020

Dự thảo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ
KHÓA XII – KỲ HỌP LẦN THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày .../7/2021 của UBND huyện Ba Tơ về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện năm 2020.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện năm 2020, như sau:

I. Tổng thu ngân sách huyện: 975.092.749.414 đồng

1. Các khoản thu cấp huyện, cấp xã hưởng theo phân cấp từ nguồn thu trên địa bàn: 31.503.198.162 đồng

Thu NSNN trên địa bàn: 36.848.275.358 đồng; trong đó: Ngân sách trung ương hưởng 4.479.890.446 đồng, ngân sách tỉnh hưởng 865.186.750 đồng, ngân sách cấp huyện hưởng 29.101.055.311 đồng, ngân sách cấp xã hưởng 2.402.142.851 đồng.

*** Chi tiết khoản thu theo các sắc thuế như sau:**

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý: 356.078.376 đồng.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 58.083.227 đồng.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 44.448.300 đồng.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 22.181.389.874 đồng.

- Lệ phí trước bạ: 3.727.535.442 đồng.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 8.905.370 đồng.

- Thuế thu nhập cá nhân: 2.371.438.420 đồng.

- Thu phí, lệ phí: 1.280.032.778 đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 3.800.870.450 đồng.
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 71.012.737 đồng.
- Thu từ bán tài sản nhà nước: 142.715.000 đồng.
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 549.429.075 đồng.
- Thu khác ngân sách: 2.300.164.609 đồng.
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: 620.000 đồng.

2. Thu kết dư: 40.484.914.320 đồng; trong đó:

- Ngân sách cấp huyện 29.964.099.229 đồng.
- Ngân sách cấp xã: 10.520.815.091 đồng.

3. Thu chuyển nguồn: 147.137.201.976 đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp huyện 143.119.888.976 đồng.
- Ngân sách cấp xã: 4.017.313.000 đồng.

4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 751.877.103.601 đồng

4.1 Thu bổ sung cân đối: 494.703.150.761; trong đó:

- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện: 390.485.000.000 đồng.
- Ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách xã: 104.218.150.761 đồng.

4.2 Thu bổ sung mục tiêu: 257.173.952.840.000 đồng; trong đó:

- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện: 181.032.526.900 đồng.
- Ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách xã: 76.141.425.940 đồng.

5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 4.090.331.355 đồng.

II. Tổng chi ngân sách huyện: 954.379.438.308 đồng

1. Chi đầu tư phát triển: 135.600.443.247 đồng, trong đó:

- Ngân sách huyện: 135.524.023.247 đồng.
- Ngân sách xã: 76.420.000 đồng.

2. Chi thường xuyên: 517.135.802.419 đồng, bao gồm:

- Chi quốc phòng: 7.199.839.009 đồng.
- Chi an ninh: 7.973.063.403 đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 207.791.185.733 đồng.
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 42.137.011.000 đồng.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 5.087.088.798 đồng.
- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 2.125.263.708 đồng.
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 1.077.415.000 đồng.
- Chi sự nghiệp môi trường: 2.458.911.239 đồng.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 74.907.743.916 đồng.
- Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: 150.138.767.725 đồng.
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 14.333.215.045 đồng.
- Chi khác: 1.096.297.843 đồng.

3. Bổ sung ngân sách cấp dưới: 180.359.576.701 đồng.

4. Chi nộp ngân sách cấp trên: 11.479.155.305 đồng; trong đó:

- Ngân sách xã nộp về ngân sách huyện: 4.090.331.355 đồng.
- Ngân sách huyện nộp về ngân sách tỉnh: 7.388.823.950 đồng.

5. Chi chuyển nguồn: 109.804.460.636 đồng, trong đó:

- Ngân sách huyện: 105.132.892.542 đồng.
- Ngân sách xã: 4.671.568.094 đồng.

III. Chênh lệch thu, chi ngân sách huyện: 20.713.311.106 đồng

- Kết dư ngân sách cấp huyện: 13.284.280.655 đồng.
- Chênh lệch thu, chi ngân sách xã, thị trấn: 7.429.030.451 đồng.

IV. Xử lý kết dư ngân sách cấp huyện: 13.284.280.655 đồng, như sau:

Thu ngân sách cấp huyện năm 2021: 13.284.280.655 đồng.

V. Chênh lệch thu, chi ngân sách xã, thị trấn

Giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày .../7/2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Công báo Quảng Ngãi (02 bộ);
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các CQ, ban, ngành, đoàn thể, MT;
- HĐND + UBND 19 xã, thị trấn;
- C, P Văn phòng huyện + TH;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Ngọc Vỹ